

(mười) mảnh giấy kẻ ô ly màu trắng, 01 (một) hộ chiếu mang tên Triệu Văn T và 01 (một) giấy đăng ký mô tô mang tên Đỗ Minh D.

Tại bản kết luận giám định số 33/PC54 ngày 15/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: *Chất bột màu trắng có trong 33 gói giấy kẻ ô ly thu giữ của Triệu Văn T gửi giám định đều là chất ma túy Hêrôin, có tổng trọng lượng 0,699g (đã trừ bì).*

Tại bản cáo trạng số 71/CT- VKS ngày 06/11/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng đã truy tố bị cáo Triệu Văn T ra trước Tòa án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Triệu Văn T khai nhận diễn biến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo Triệu Văn T, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Vận dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 để áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194, Điều 33, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015. Tuyên bố bị cáo Triệu Văn T “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo.

Đối với người đàn ông người Trung Quốc bán ma túy cho bị cáo do điều kiện lãnh thổ, nên không đủ điều kiện xác minh làm rõ. Không đề nghị xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, đ khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong đựng chất ma túy đã qua giám định có chữ “QT Triệu Văn T”; 01 (một) chiếc kéo bằng kim loại cán bằng nhựa màu xanh; 10 mảnh giấy kẻ ô ly màu trắng.

Trả lại cho bị cáo Triệu Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu X phone màu đen vàng đã cũ, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Nouvo màu đỏ đen đã cũ BKS 12F6 - 8589, số tiền 1.000.0000 đồng, 01 (một) hộ chiếu mang tên Triệu Văn T và 01 (một) giấy đăng ký mô tô mang tên Đỗ Minh D.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo Triệu Văn T.

Tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Triệu Văn T nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Vận dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 để áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

Về Điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194, Điều 33, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7,

điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015. Xử cho bị cáo Triệu Văn T được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo nghiện ma túy, gia đình thuộc hộ nghèo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; trả lại cho bị cáo Triệu Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu đen vàng đã cũ, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Nouvo màu đỏ đen đã cũ BKS 12F6 - 8589, số tiền 1.000.0000 đồng, 01(một) hộ chiếu mang tên Triệu Văn T và 01 (một) giấy đăng ký mô tô mang tên Đỗ Minh D. Đây là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo Triệu Văn Thắng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản phạm tội quá tang và số lượng ma túy Hêrôin thu giữ được của bị cáo Triệu Văn T là 33 (ba mươi ba) gói; lời khai của người làm chứng; kết luận giám định số 33/PC54 ngày 15/9/2017/PC54 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, cáo trạng số 71/CT-VKS ngày 06/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng đã truy tố bị cáo Triệu Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

Tuy nhiên, khi xét xử các vụ án hình sự thuộc các trường hợp “ Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã được thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành được quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13. Tòa án vận dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều luật theo luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức Cơ quan Điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13.

Cụ thể: Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định “*Người nào tàng trữ vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm*” còn theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định “*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép*

chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: c, Hêrôin... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Do vậy, khi điều tra, truy tố, xét xử phải áp dụng Điều luật có lợi trên cho bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây nguy hại đến trật tự, an ninh xã hội. Ma túy là các hỗn hợp chất hoá học, có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp nhân tạo, gây kích thích hoặc ức chế thần kinh. Khi ma túy xâm nhập vào cơ thể, có tác dụng làm thay đổi tâm trạng, ý thức và trí tuệ, khiến con người bị lệ thuộc vào nó. Ma túy không chỉ huỷ hoại sức khoẻ mà còn làm suy thoái nòi giống, tàn phá phẩm giá và nhân cách của con người. Ma túy cũng chính là tác nhân dẫn đến tình trạng lây nhiễm căn bệnh thể kỉ HIV/AIDS và là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác như trộm cắp, cướp giật, mại dâm. Đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy đang là nhiệm vụ cấp bách của toàn xã hội trong tình hình hiện nay. Chính vì vậy đối với những hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy đều phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân con người cũng như những ảnh hưởng tiêu cực khác của ma túy đối với an ninh trật tự và mọi mặt của đời sống xã hội vì bản thân bị cáo là nạn nhân của loại tệ nạn ma túy này, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện, mục đích tàng trữ ma túy là nhằm để thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Triệu Văn T không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử, sau khi cân nhắc xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định, để bị cáo có thời gian cải tạo, sửa chữa những lỗi lầm của mình và trở thành những người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự quy định *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản...”*, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bản thân bị cáo không có tài sản gì có giá trị, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với đối tượng người Trung Quốc bán ma túy cho bị cáo do điều kiện về lãnh thổ nên không đủ điều kiện xác minh làm rõ. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a, đ khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với 01 (một) phong bì niêm phong đựng chất ma túy đã qua giám định có chữa “QT Triệu Văn T”; 01 (một) chiếc kéo bằng kim loại cán bằng nhựa màu xanh; 10 (mười) mảnh giấy kẻ ô ly màu trắng. Xét thấy, đây là vật cấm lưu hành và vật không có giá trị sử dụng. Tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu đen vàng đã cũ, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Nouvo màu đỏ đen đã cũ BKS 12F6 - 8589, số tiền 1.000.0000 đồng, 01 (một) hộ chiếu mang tên Triệu Văn T và 01 (một) giấy đăng ký mô tô mang tên Đỗ Minh D. Xét thấy, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Trả lại cho bị cáo Triệu Văn T.

(Các vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/11/2017 và giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 21/9/2017).

Về án phí: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát và vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đều có yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo. Căn cứ vào Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì người bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị miễn án phí cho bị cáo của đại diện Viện kiểm sát và vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo.

Tại phiên tòa, vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V và vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đã đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo và hướng xử lý các tang vật của vụ án. Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

Vì các lẽ trên;

Vận dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 để áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Triệu Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194, Điều 33, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Triệu Văn T 24 (hai mươi tư) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 13/9/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, đ khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong đựng chất ma túy đã qua giám định có chữa “QT Triệu Văn T”, 01 (một) chiếc kéo bằng kim loại cán bằng nhựa màu xanh, 10 (mười) mảnh giấy kẻ ô ly màu trắng.

Trả lại cho bị cáo Triệu Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu đen vàng đã cũ, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Nouvo màu đỏ đen đã cũ BKS 12F6 - 8589, số tiền 1.000.0000 (một triệu) đồng, 01 (một) hộ chiếu

mang tên Triệu Văn T và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Minh D.

(Các vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/11/2017 và giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 21/9/2017).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 3, Điều 6, Điều 9, Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Triệu Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo có mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lạng Sơn (1b);
- VKSND huyện Văn Lãng (1b);
- Công an huyện Văn Lãng (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện Văn Lãng (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn (1b);
- Bị cáo (1b);
- Người bào chữa (1b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Thị Hà